

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần
nhất 17.07.2017

Phiên bản 2.3

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	107209
Tên sản phẩm	Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO
REACH Số Đăng ký	Sản phẩm này là một hỗn hợp. Số Đăng Ký REACH xem chương 3.

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	Thuốc thử để phân tích Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merckgroup.com).
--	---

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Phân loại (Quy định số 1272/2008 (EC))

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, Đường miệng, H302

Gây tổn thương nặng cho mắt, Nhóm 1, H318

Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 4, H413

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

2.2 Các yếu tố nhãn

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H302 Có hại nếu nuốt phải.

H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

H413 Có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài lên thủy sinh vật.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo các thiết bị bảo vệ mắt.

Biện pháp ứng phó

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P313 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Ghi nhãn bị giảm (≤ 125 ml)

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

H413 Có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài lên thủy sinh vật.

Các lưu ý phòng ngừa

P280 Đeo các thiết bị bảo vệ mắt.

P305 + P351 + P338 **NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT:** Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P313 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

2.3 Các nguy cơ khác

Được biết là chưa xảy ra.

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

Bản chất hóa học

Dung dịch nước

3.1 Chất

Không áp dụng được

3.2 Hỗn hợp

Thành phần nguy hiểm (Quy định số 1272/2008 (EC))

Tên hóa học (Nồng độ)

Số CAS

Số đăng ký

Phân loại

hydrogen peroxide ($\geq 25\%$ - $< 35\%$)

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

7722-84-1

*)

Chất lỏng gây oxy hoá, Nhóm 1, H271

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H302

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Độc tính cấp tính, Nhóm 4, H332

Ăn mòn da, Nhóm 1A, H314

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ), Nhóm 3, H335

Độc tính thủy sinh lâu dài, Nhóm 3, H412

*) Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải: không khí sạch.

Trong trường hợp tiếp xúc với da: Cởi bỏ tất cả các quần áo bị nhiễm độc ngay lập tức. Rửa sạch da bằng nước/ tắm.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước. Gọi bác sĩ nhãn khoa ngay lập tức. Gỡ bỏ kính áp tròng.

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước ngay lập tức (nhiều nhất hai cốc). Tham vấn bác sĩ.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Chóng mặt, Bất tỉnh, Tiêu chảy, Buồn nôn, Nôn mửa, Đau đầu, Co giật, Co cơ, mất ngủ, sốc,

Kích ứng và ăn mòn, viêm màng kết

Rủi ro gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

Không dễ cháy.

Đám cháy xung quanh có thể giải phóng hơi nguy hiểm.

Có hiệu quả thúc đẩy sự cháy do giải phóng oxy.

5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Không được hít hơi, aerosol.

Tránh tiếp xúc với hóa chất. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp: Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Không được đổ xuống cống.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn.

Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10).

Giữ vai trò là chất hấp thụ chất lỏng và trung hòa (ví dụ: Chemisorb® H⁺, Merck Art. No. 101595). Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hóa chất

Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Dùng biện pháp bảo vệ da. Rửa tay và mặt sau khi làm việc với hóa chất.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Các yêu cầu đối với khu vực lưu trữ và thiết bị chứa

Đóng bình chứa theo cách cho phép áp suất bên trong thoát ra (ví dụ: van giảm áp).

Không dùng bình chứa kim loại.

Điều kiện lưu trữ

Đóng chặt. Được bảo vệ tránh ánh sáng. Không lưu giữ gần các vật liệu dễ cháy.

Nhiệt độ lưu giữ đề nghị, xem nhãn sản phẩm.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ vừa khí

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	mủ cao su thiên nhiên
Độ dày của găng:	0,6 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 706 Lapren® (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

Số lần thủng được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.

Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Thiết bị bảo hộ khác

quần áo bảo hộ

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có hơi/thuốc xịt.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc NO

Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	107209
Tên sản phẩm	Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không được đổ xuống cống.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	thể lỏng
Màu sắc	không màu
Mùi đặc trưng	yếu Gây nhức
Ngưỡng mùi	Không có thông tin.
Độ pH	$\leq 3,5$ ở 20 °C
Điểm nóng chảy	-25,7 °C
Điểm sôi/khoảng sôi	107 °C ở 1.013 hPa
Điểm chớp cháy	Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn dưới của cháy nổ	Không có thông tin.
Giới hạn trên của cháy nổ	Không có thông tin.
Áp suất hóa hơi	Khoảng 18 hPa ở 20 °C

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục 107209
Tên sản phẩm Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Mật độ	1,11 g/cm ³ ở 20 °C
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Tính tan trong nước	ở 20 °C có thể pha trộn hoàn toàn
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: -1,57 (được tinh) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi. (MSDS bên ngoài) (đề cập đến hóa chất tinh khiết)
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	> 100 °C
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính oxy hóa	Khả năng oxy hóa

9.2 Các dữ liệu khác

không

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Có hiệu quả thúc đẩy sự cháy do giải phóng oxy.

10.2 Tính ổn định hóa học

nhạy cảm nhiệt

Nhạy cảm với ánh sáng

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Chất bình ổn

2,6-Pyridinedicarboxylic acid

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Rủi ro nổ với:

Acetaldehyde, Aceton, Than hoạt tính, Cồn, axit formic, Amoniac, các chất dễ cháy, vinyl axetat, Chất hữu cơ, Kim loại dạng bột, Bụi., hidrazin và các chất dẫn xuất, hydroa, Ête, Kali, anilin, muối kim loại, axit axetic, Anhydrit axetic, fomandehit, cồn furfuryl, dầu, natri, Lithi, lithium hiđrua nhôm, dung môi hữu cơ, magie, oxit kim loại, Metanol, Các chất khử, Ôxit photpho

butanol, với, Axit sunfuaric

hydroxit kiềm, với, Các kim loại nặng

Phản ứng tỏa nhiệt với:

hydroxit kiềm, sunfua antimon, thiếc (II) clorua, Sunfua, THIOPHENE, axit nitric (conc.), ethanol, glyxerin, Kali hydroxide, photpho, oxit kim loại, natri hydroxide, Andehyt, phi kim, oxit phi kim, kiềm mạnh, Amin, Axit, Chất oxy hóa, muối kiềm, Các kim loại kiềm, Các kim loại đất kiềm, iofua, hợp chất peroxi, đồng thau, hợp chất nitro hữu cơ

phenon, với, chất xúc tác kim loại

Rủi ro bốc cháy hoặc tạo thành khí hoặc hơi dễ cháy với:

kali permanganat, gỗ/Mùn cửa

vinyl axetat, với, Chất xúc tác

10.4 Các điều kiện cần tránh

Đun nóng.

10.5 Các vật liệu xung khắc

Các kim loại

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

không có thông tin

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Hỗn hợp

Độc tính cấp theo đường miệng

Triệu chứng: Kích thích màng nhầy trong miệng, họng, thực quản và khoang dạ dày.

Ước lượng độc tính cấp: 1.667 mg/kg

Phương pháp tính toán

Độc tính cấp do hít phải

Triệu chứng: Hư hỏng có thể, kích thích màng nhầy

Ước lượng độc tính cấp: > 20 mg/l; 4 h ; hơi

Phương pháp tính toán

Độc tính cấp qua da

Thông tin này không có sẵn.

Kích ứng da

Sau khi tiếp xúc lâu với hóa chất: Gây bỏng da.

Kích ứng mắt

viêm màng kết

Hỗn hợp gây hồng mắt nghiêm trọng.

Nhạy cảm

Thông tin này không có sẵn.

Biến đổi tế bào gốc

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính gây ung thư

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính đối với sinh sản

Thông tin này không có sẵn.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Độc tính gây quái thai

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể (Phơi nhiễm đơn lẻ)

Thông tin này không có sẵn.

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Thông tin này không có sẵn.

Nguy cơ hô hấp

Thông tin này không có sẵn.

11.2 Thông tin khác

Ảnh hưởng hệ thống:

Đau đầu, Chóng mặt, Buồn nôn, Nôn mửa, Tiêu chảy, mất ngủ, Co cơ, Co giật, Bất tỉnh, sốc

Không loại trừ các đặc tính nguy hiểm khác

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Thành phần

hydrogen peroxide

Độc tính cấp theo đường miệng

Ước lượng độc tính cấp: 500,1 mg/kg

Đánh giá của chuyên gia

Độc tính cấp qua da

LD50 Thỏ: > 2.000 mg/kg

US-EPA

Lượng độc lặp lại

Chuột nhắt

con đực

Đường miệng

90 d

Mỗi ngày

NOAEL: 26 mg/kg

LOAEL: 76 mg/kg

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 408

Độc tính gần mãn tính

Chuột

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Đục và cái

Hô hấp (bụi/ khói/ sương)

28 d

Mỗi ngày

NOAEL: 0,0029 mg/l

LOAEL: 0,0146 mg/l

Hướng dẫn xét nghiệm OECD 412

Độc tính gần cấp

Biến đổi tế bào gốc

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể

Thử nghiệm nhân con trên cơ thể sống (In vivo micronucleus test)

Chuột nhắt

Đục và cái

Bơm vào trong màng bụng

Kết quả: Âm tính

Phương pháp: Nguyên Tác Kiểm Tra OECD 474

Phần 12. Thông tin sinh thái học

Hỗn hợp

12.1 Độc tính

Không có thông tin.

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Tính phân hủy sinh học

Dễ phân huỷ sinh học.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: -1,57

(được tính)

Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi. (MSDS bên ngoài) (đề cập đến hóa chất tinh khiết)

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

(Các) Chất trong hỗn hợp không phù hợp với tiêu chuẩn dành cho PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) Số 1907/2006, Phụ Lục XIII, hoặc đánh giá PBT/vP vB đã không được thực hiện.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Sức căng bề mặt

Khoảng 74,12 mN/m

ở 20 °C

Các thông tin sinh thái khác

Không được can thiệp vào nhà máy xử lý nước thải khi được sử dụng đúng cách.

Cần tránh thải loại vào môi trường.

Thành phần

hydrogen peroxide

Độc đối với cá

Thử nghiệm bán tính LC50 Pimephales promelas (cá tuế đầu to): 16,4 mg/l; 96 h

Giám sát phân tích: có

US-EPA

Thử nghiệm bán tính NOEC Pimephales promelas (cá tuế đầu to): 5 mg/l; 96 h

Giám sát phân tích: có

US-EPA

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác

Thử nghiệm bán tính LC50 Daphnia pulex (Bọ nước): 2,4 mg/l; 48 h

Giám sát phân tích: có

US-EPA

Thử nghiệm bán tính NOEC Daphnia pulex (Bọ nước): 1 mg/l; 48 h

Giám sát phân tích: có

US-EPA

Độc đối với tảo

IC50 Pseudokirchneriella subcapitata (tảo lục): 5,7 mg/l; 72 h

(Cơ sở dữ liệu ECOTOX)

Tỷ lệ tăng trưởng NOEC Skeletonema costatum (Tảo Skeletonema costatum): 0,63 mg/l; 72 h

(MSDS bên ngoài)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Độc tính đối với vi khuẩn

Thử nghiệm tính EC50 bùn hoạt tính: 466 mg/l; 30 min

Giám sát phân tích: có

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 209

Thử nghiệm tính EC50 bùn hoạt tính: > 1.000 mg/l; 3 h

Giám sát phân tích: có

Nguyên Tắc Kiểm Tra OECD 209

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính)

Thử nghiệm chảy NOEC Daphnia magna (Bọ nước): 0,63 mg/l; 21 d

(ECHA)

Tính phân hủy sinh học

> 99 %; 0,5 h; hiếu khí

(ECHA)

Dễ phân huỷ sinh học.

Chất không đáp ứng các tiêu chí về PBT hoặc vPvB theo Quy định (EC) số 1907/2006, Annex XIII.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vứt bỏ theo các quy định của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bồn giống như xử lý sản phẩm.

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 Số UN	UN 2014
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	HYDROGEN PEROXIDE, AQUEOUS SOLUTION
14.3 Hạng	5.1 (8)
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
Mã giới hạn đối với vận chuyển qua đường hầm	E

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

14.1 Số UN	UN 2014
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	HYDROGEN PEROXIDE, AQUEOUS SOLUTION
14.3 Hạng	5.1 (8)
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	107209
Tên sản phẩm	Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng có
Không được phép vận chuyển

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 Số UN	UN 2014
14.2 Tên vận chuyển thích hợp	HYDROGEN PEROXIDE, AQUEOUS SOLUTION
14.3 Hạng	5.1 (8)
14.4 Nhóm đóng gói	II
14.5 môi trường độc hại	--
14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng	có
EmS	F-H S-Q

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC
Không liên quan

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia

Lớp cất giữ 5.1B

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Phần 16. Các thông tin khác

Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 2 và 3.

H271	Có thể gây cháy hoặc nổ; chất ôxy hóa mạnh.
H302	Có hại nếu nuốt phải.
H314	Gây bỏng da nặng và tổn thương mắt.
H318	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H332	Có hại nếu hít phải.
H335	Có thể gây kích ứng hô hấp.
H412	Có hại tới thủy sinh vật do có các ảnh hưởng lâu dài.
H413	Có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài lên thủy sinh vật.

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Dán nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ



Lời cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm

H302 Có hại nếu nuốt phải.

H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.

H413 Có thể gây các ảnh hưởng có hại lâu dài lên thủy sinh vật.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa

P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.

P280 Đeo các thiết bị bảo vệ mắt.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục

107209

Tên sản phẩm

Hydrogen peroxide 30% (Perhydrol®) for analysis EMSURE® ISO

Biện pháp ứng phó

P305 + P351 + P338 **NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT**: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P313 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.